



Số: 391 /TTr-BIDV

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024

Là ngân hàng thương mại cổ phần với quy mô tổng tài sản lớn nhất trên thị trường, BIDV luôn chú trọng các biện pháp nâng cao năng lực vốn để đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, hướng tới thông lệ quốc tế. Đến nay, BIDV đã được cơ quan quản lý thống nhất về chủ trương sử dụng toàn bộ lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ của năm 2022 để tăng vốn điều lệ. Đồng thời, để tiếp tục nâng cao vị thế, vai trò của BIDV thông qua tăng năng lực tài chính nói chung và năng lực vốn nói riêng phục vụ hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 như sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

1. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến

- Mức vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2023: 57.004.359.000.000 đồng.
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 13.619.876.470.000 đồng, trong đó:
 - + Tăng vốn từ chi trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu: 11.970.915.390.000 đồng;
 - + Tăng vốn từ phát hành thêm cổ phiếu cho nhà đầu tư bằng hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ: 1.648.961.080.000 đồng;
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 70.624.235.470.000 đồng (tăng 23,9% so với vốn điều lệ tại 31/12/2023).

2. Thông tin về cổ phiếu phát hành thêm

- Loại chứng khoán phát hành: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.361.987.647 cổ phiếu, trong đó:
 - + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022: 1.197.091.539 cổ phiếu;
 - + Phát hành thêm cổ phiếu bằng hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ: 164.896.108 cổ phiếu.

3. Nguồn tiền dùng để tăng vốn điều lệ

- Từ lợi nhuận còn lại năm 2022 sau trích lập các quỹ: 11.970.915.390.000 đồng;
- Từ phát hành thêm cổ phiếu bằng hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ (dự kiến ~2,89% vốn điều lệ tại 31/12/2023): 1.648.961.080.000 đồng.

4. Các đợt phát hành dự kiến

4.1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022



- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.197.091.539 cổ phiếu;
- Giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá): 11.970.915.390.000 đồng;
- Tỷ lệ thực hiện: Dự kiến 21% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2023.

- Đối tượng phát hành: Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của BIDV tại thời điểm chốt quyền được nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua và theo quy định của pháp luật.

- Thời gian thực hiện: dự kiến năm 2024-2025, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành cụ thể sau khi nhận được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4.2. Phát hành thêm cổ phiếu cho nhà đầu tư theo hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 164.896.108 cổ phiếu;
- Giá trị chào bán dự kiến (theo mệnh giá): 1.648.961.080.000 đồng;
- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 1.648.961.080.000 đồng;
- Tỷ lệ thực hiện: Dự kiến ~ 2,89% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2023. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh số lượng và tỷ lệ cổ phiếu chào bán trên cơ sở phê duyệt chính thức của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối tượng chào bán: Chào bán cho các nhà đầu tư đáp ứng tiêu chí là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và là nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính, có thể bao gồm một hoặc một số cổ đông hiện hữu của BIDV ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định cụ thể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đáp ứng các yêu cầu trên.

- Số lượng nhà đầu tư: Dưới 100 nhà đầu tư và đảm bảo đáp ứng tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm phát hành theo quy định pháp luật.

- Số lượng cổ phiếu chào bán cho các nhà đầu tư: ĐHĐCĐ ủy quyền và giao HĐQT quyết định số lượng cụ thể cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Nguyên tắc xác định giá chào bán: Theo nguyên tắc giá thị trường, trên cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

- Hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phần chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Mục đích chào bán: tăng năng lực tài chính nói chung và năng lực vốn nói riêng phục vụ hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro.

- Thời gian thực hiện: dự kiến năm 2024-2025, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chào bán cụ thể sau khi nhận được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Ngoài số lượng trên, BIDV tiếp tục tiếp xúc, chào bán theo kế hoạch và các nội dung đã được phê duyệt, xây dựng phương án và trình NHNN theo thẩm quyền.

II. Phương án sử dụng vốn điều lệ tăng thêm

1. Vốn điều lệ tăng thêm dự kiến sẽ được dùng toàn bộ để bổ sung vốn kinh doanh, được phân bổ sử dụng vào các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của BIDV với cơ cấu hợp lý và đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn, tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.

2. Tiến độ sử dụng vốn điều lệ tăng thêm để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh phù hợp theo tiến độ tăng vốn điều lệ và tình hình thị trường, do HĐQT (hoặc cấp được HĐQT phân cấp, ủy quyền), xem xét, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và của BIDV.

Vốn điều lệ tăng thêm được sử dụng cho các hoạt động:

- **Hoạt động tín dụng:** Tập trung cơ cấu danh mục tín dụng, cho vay vốn đối với các doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, an toàn, có phương án/dự án kinh doanh khả thi, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), doanh nghiệp FDI có tiềm năng phát triển; đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng xanh, tín dụng bán lẻ.

- **Hoạt động đầu tư:** Tiếp tục đầu tư có hiệu quả trên thị trường; đầu tư và kinh doanh giấy tờ có giá, thực hiện đầu tư vào các đơn vị theo lộ trình.

- **Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, phát triển sản phẩm dịch vụ mới, ngân hàng số, chuyển đổi hoạt động:** Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đem lại tiện ích, dịch vụ tốt nhất, đáp ứng nhu cầu khách hàng trong nước và quốc tế, dành nguồn lực để phát triển các sản phẩm dịch vụ cho phân khúc khách hàng giàu có, tăng tỷ lệ thu nhập từ dịch vụ trong tổng thu nhập; nâng cao năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro; nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ...

- **Nâng cao năng lực cạnh tranh của mạng lưới kinh doanh:** Mở rộng, nâng cao chất lượng kênh phân phối hiện đại trong nước, khu vực và trên thế giới gắn với phát triển thương hiệu BIDV.

III. Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư nhận cổ phiếu phát hành thêm

1. Các tổ chức, cá nhân nhận cổ phiếu tăng vốn điều lệ của BIDV chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt nam, Điều lệ của BIDV và các quy định tại Phương án tăng vốn điều lệ.

2. Các tổ chức, cá nhân nhận cổ phiếu tăng vốn điều lệ của BIDV được đối xử bình đẳng và được hưởng quyền lợi của cổ đông theo quy định của pháp luật.

IV. Kính trình Đại hội đồng cổ đông

1. Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ, phương án sử dụng vốn theo đề xuất nêu trên (chi tiết Phương án đính kèm).

2. Ủy quyền cho HĐQT BIDV:

- Điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024, bao gồm các phương án phát hành cổ phiếu theo phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền (mức giá, số lượng cổ phiếu phát hành, đối tượng phát hành, thời điểm phát hành...); Phương án sử dụng vốn sau phát hành, tiến độ sử dụng vốn tăng thêm nhằm triển khai hiệu quả việc tăng vốn điều lệ phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh của BIDV, các quy định của Pháp luật, Điều lệ BIDV và đảm bảo quyền lợi của cổ đông BIDV;

- Quyết định thời gian sử dụng số tiền thu được, được điều chỉnh số tiền sử dụng cho từng mục đích phù hợp với tình hình chào bán cổ phiếu và tình hình hoạt động của BIDV tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán và báo cáo ĐHCĐ gần nhất.

- Đối với phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ: căn cứ tình hình thực tế, quyết định khối lượng chào bán chính thức cho nhà đầu tư; hoàn thiện Phương án chào bán chi tiết, thực hiện các thủ tục báo cáo, xin ý kiến chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; rà soát, chỉnh sửa Phương án theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

- Trên cơ sở phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về Phương án phát hành cổ phiếu, quyết định các nội dung triển khai kế hoạch phát hành cổ phiếu phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm lợi ích tổng thể của BIDV và các cổ đông;

- Thực hiện các thủ tục tăng vốn cần thiết theo quy định của pháp luật, bao gồm thủ tục xin phép các cơ quan có thẩm quyền; thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh; thay đổi Vốn điều lệ; các thủ tục đăng ký, lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm và các thủ tục khác theo quy định hiện hành;

- Quyết định sửa đổi Điều lệ của BIDV đối với nội dung thay đổi vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế;

- Quyết định các nội dung khác có liên quan để triển khai Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 theo phê duyệt của ĐHCĐ và của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận: Nơi nhận: (b)

- Như trên;

- HĐQT;

- Lưu: VT, TKHĐQT&QHCD, KH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2024
(Đính kèm Tờ trình số 391 /TTr-BIDV ngày 26/04/2024)

I. Sự cần thiết tăng vốn điều lệ

- Theo Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” được phê duyệt tại Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu là phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của các ngân hàng thương mại đạt tối thiểu 11 - 12%.

- Tại Quyết định số 412/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 31/3/2022 phê duyệt Đề án cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia tới năm 2030 đặt ra mục tiêu tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của các Ngân hàng thương mại giai đoạn 2021 - 2025 đạt 11 - 12%; đến năm 2030 duy trì tối thiểu 12%.

- Hiện tại hệ số CAR riêng lẻ của BIDV tại 31/12/2023 đạt ở mức 8,85%, đáp ứng trên mức yêu cầu tối thiểu của NHNN ($\geq 8\%$), tuy nhiên để phấn đấu đạt hệ số CAR theo định hướng của Chính phủ và ngành ngân hàng như nêu trên, BIDV cần tiếp tục gia tăng vốn tự có.

Trên khía cạnh quản trị rủi ro, BIDV đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (theo chuẩn mục Basel 2) từ tháng 11/2019 và đã triển khai khung đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) theo yêu cầu của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Các nước trong khu vực đã thực hiện áp dụng Basel III hoặc một phần của Basel III. Theo định hướng của NHNN, BIDV đang nghiên cứu xây dựng lộ trình áp dụng Basel III. Để đảm bảo an toàn vốn đáp ứng quy định của NHNN và hướng dẫn tới thông lệ, BIDV cần tiếp tục gia tăng vốn tự có, trong đó tăng vốn điều lệ là một trong những nguồn tăng giữ vai trò nền tảng nâng cao chất lượng vốn cũng như tạo điều kiện cho các nguồn tăng thứ cấp khác.

- Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2024 của BIDV như sau:

Đơn vị: tỷ Đồng/%

TT	Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024
1	Dư nợ tín dụng tổ chức kinh tế, cá nhân & trái phiếu doanh nghiệp	1.747.629	Tăng trưởng đảm bảo tuân thủ giới hạn tín dụng do NHNN giao.
2	Huy động vốn từ tổ chức, dân cư	1.887.311	Tăng trưởng phù hợp sử dụng vốn, đảm bảo hiệu quả, chỉ tiêu an toàn theo quy định
3	Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN quy định về phân loại tài sản có,	1,12%	$\leq 1,4\%$

TT	Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024
	mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khỏi NHTM		
4	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	27.589	Theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

Ghi chú: Số liệu năm 2023 là số liệu căn cứ báo cáo tài chính được kiểm toán.

II. Căn cứ pháp lý

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

2. Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2019;

4. Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

5. Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 sửa đổi, bổ sung khoản 2 điều 12 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

6. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

7. Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

8. Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của NHNN quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 13/2023/TT-NHNN ngày 31/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về cấp giấy phép, tổ chức, hoạt động và hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

9. Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư

22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 41”);

10. Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng ngân hàng nước ngoài;

11. Các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam có liên quan khác.

III. Các phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

1. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến

- Mức vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2023: 57.004.359.000.000 đồng.
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 13.619.876.470.000 đồng, trong đó:
 - + Tăng vốn từ chi trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu: 11.970.915.390.000 đồng;
 - + Tăng vốn từ phát hành thêm cổ phiếu cho nhà đầu tư bằng hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ: 1.648.961.080.000 đồng;
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 70.624.235.470.000 đồng (tăng 23,9% so với 31/12/2023).

2. Thông tin về cổ phiếu phát hành thêm

- Loại chứng khoán phát hành: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.361.987.647 cổ phiếu, trong đó:
 - + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022: 1.197.091.539 cổ phiếu;
 - + Phát hành thêm cổ phiếu bằng hình thức chào bán riêng lẻ: 164.896.108 cổ phiếu.

3. Nguồn tiền dùng để tăng vốn điều lệ

- Từ lợi nhuận còn lại năm 2022 sau trích lập các quỹ: 11.970.915.390.000 đồng;
- Từ phát hành thêm cổ phiếu bằng hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ (dự kiến 2,89% vốn điều lệ tại 31/12/2023): 1.648.961.080.000 đồng.

4. Các đợt phát hành dự kiến

4.1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2022:

- | | |
|------------------------------------|---|
| - Tên cổ phiếu: | Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| - Mã chứng khoán: | BID |
| - Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông |
| - Mệnh giá cổ phiếu: | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: | 5.700.435.900 cổ phiếu |

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 1.197.091.539 cổ phiếu
 - Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến: 11.970.915.390.000 đồng
 - Tỷ lệ phát hành dự kiến: 21% số cổ phiếu đang lưu hành
- (Số lượng cổ phiếu phát hành, tổng giá trị phát hành theo mệnh giá, tỷ lệ phát hành cụ thể thực hiện theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền)*
- Đối tượng phát hành: Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của BIDV tại thời điểm chốt quyền được nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua và theo quy định của pháp luật
 - Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:21 (Người sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 21 cổ phiếu mới)
 - Nguồn vốn phát hành: Từ lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2022
 - Thời gian thực hiện: Năm 2024-2025. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành cụ thể sau khi nhận được sự chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án phát hành.
 - Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu để trả cổ tức phát hành cho cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ bị hủy bỏ. Ví dụ: cổ đông nắm giữ 90 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách sẽ được nhận 18 cổ phiếu để trả cổ tức.

Chi tiết thông tin về: (i) Lợi nhuận để lại năm 2022 và lợi nhuận để lại năm 2022 được sử dụng để tăng vốn điều lệ; (ii) Danh sách, tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn và nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau tăng vốn từ lợi nhuận để lại năm 2022 theo phụ lục đính kèm.

4.2. Phát hành thêm cổ phiếu cho nhà đầu tư theo hình thức chào bán riêng lẻ:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Mã chứng khoán: BID
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 164.896.108 cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dự kiến: 1.648.961.080.000 đồng
- Tỷ lệ chào bán: Căn cứ theo mức vốn điều lệ tại thời điểm phát hành (dự kiến 2,89% số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2023).
ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh số lượng và tỷ lệ cổ phần phát hành trên cơ sở trình tự thực hiện các đợt phát hành thực tế và phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.
- Nguyên tắc xác định giá chào bán: Theo nguyên tắc giá thị trường, trên cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.
- Đối tượng chào bán: Chào bán cho các nhà đầu tư đáp ứng tiêu chí: là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và là nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính, có thể bao gồm một hoặc một số cổ đông hiện hữu của BIDV. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định cụ thể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đáp ứng các yêu cầu trên.
- Số lượng nhà đầu tư: Dưới 100 nhà đầu tư và đảm bảo đáp ứng tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm phát hành theo quy định pháp luật.
- Số lượng cổ phiếu chào bán cho các nhà đầu tư: ĐHĐCĐ ủy quyền và giao HĐQT quyết định số lượng cụ thể cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phần chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật tối thiểu 01 năm theo quy định.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến trong năm 2024-2025, thời điểm cụ thể giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định sau

khi được chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Lưu ký và niêm yết bổ sung

Cổ phần chào bán thêm sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài số lượng trên, BIDV tiếp tục tiếp xúc, chào bán theo kế hoạch và các nội dung đã được phê duyệt, xây dựng phương án và trình NHNN theo thẩm quyền.

5. Đăng ký lưu ký và niêm yết cổ phiếu phát hành thêm

Toàn bộ cổ phiếu phát hành thành công theo phương án được phê duyệt sẽ được đăng ký lưu ký tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD) sau khi kết thúc các đợt phát hành.

HĐQT BIDV cam kết thực hiện niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại SGDCK TP Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Kế hoạch thực hiện

Thời gian phát hành: ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành cụ thể sau khi nhận được sự chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án phát hành.

Thời điểm chốt danh sách (ngày đăng ký cuối cùng): ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi nhận được sự chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án phát hành.

Thủ tục xác định danh sách người sở hữu chứng khoán vào ngày đăng ký cuối cùng và phân bổ cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông theo danh sách: thực hiện theo quy trình thực hiện quyền của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

7. Các nguyên tắc khác

Tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư vào lĩnh vực tài chính: HĐQT cam kết đảm bảo các cổ đông, nhà đầu tư thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của BIDV tuân thủ quy định về đầu tư vào lĩnh vực tài chính.

Các tổ chức, cá nhân tham gia mua cổ phiếu của BIDV phải chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, của NHNN, Điều lệ BIDV và các quy định tại Phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. Phương án sử dụng vốn điều lệ tăng thêm

Vốn điều lệ tăng thêm dự kiến sẽ được dùng toàn bộ để bổ sung vốn kinh doanh, được phân bổ sử dụng vào các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của BIDV với cơ cấu hợp lý và đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn, tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.

Tiến độ sử dụng vốn điều lệ tăng thêm để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh phù hợp theo tiến độ tăng vốn điều lệ và tình hình thị trường, do HĐQT (hoặc cấp được HĐQT phân cấp, ủy quyền), xem xét, quyết định phù hợp với quy định của

pháp luật và của BIDV.

Vốn điều lệ tăng thêm được sử dụng cho các hoạt động:

- ***Hoạt động tín dụng:*** Tập trung cơ cấu danh mục tín dụng, cho vay vốn đối với các doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, an toàn, có phương án/dự án kinh doanh khả thi, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), doanh nghiệp FDI có tiềm năng phát triển; đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng xanh, tín dụng bán lẻ.

- ***Hoạt động đầu tư:*** Tiếp tục đầu tư có hiệu quả trên thị trường; đầu tư và kinh doanh giấy tờ có giá, thực hiện đầu tư vào các đơn vị theo lộ trình.

- ***Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, phát triển sản phẩm dịch vụ mới, ngân hàng số, chuyển đổi hoạt động:*** Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đem lại tiện ích, dịch vụ tốt nhất, đáp ứng nhu cầu khách hàng trong nước và quốc tế, dành nguồn lực để phát triển các sản phẩm dịch vụ cho phân khúc khách hàng giàu có, tăng tỷ lệ thu nhập từ dịch vụ trong tổng thu nhập; nâng cao năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro; nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ...

- ***Nâng cao năng lực cạnh tranh của mạng lưới kinh doanh:*** Mở rộng, nâng cao chất lượng kênh phân phối hiện đại trong nước, khu vực và trên thế giới gắn với phát triển thương hiệu BIDV.

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN VỀ LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI NĂM 2022 VÀ LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI NĂM 2022 ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2022
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	17.990.097
2	Lợi nhuận trích lập các quỹ	17.990.097
3	Tổng số trích lập quỹ	5.467.020
3.1	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	899.505
3.2	Trích quỹ dự phòng TC	1.799.010
3.3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.768.505
4	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ	12.523.077
5	Lãi/(Lỗ) phát sinh từ đánh giá chênh lệch số dư ngoại tệ giao ngay, kỳ hạn	409.728
6	Lợi nhuận còn lại trước chi trả cổ tức	12.113.349
7	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.970.915
8	Lợi nhuận còn lại	142.434



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 20% TRỞ LÊN,
THÔNG TIN VỀ TỔNG MỨC SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
(Tại ngày chốt danh sách cổ đông 26/03/2024)

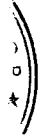
Vốn điều lệ: 57.004.359.000.000 đồng
Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.700.435.900 cổ phần
Tỷ lệ phát hành thêm 21,00%
1. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên

STT	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp/Số Đăng ký sở hữu	Số cổ phần sở hữu trước khi tăng vốn	Tỷ lệ sở hữu trước khi tăng vốn	Địa chỉ trụ sở chính	Họ tên Người đại diện theo pháp luật	Số CCCD/CMND/Hộ chiếu của người có liên quan là cá nhân/ người đại diện theo pháp luật	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức danh	Số cổ phần phát hành thêm trả cổ tức bằng cổ phiếu	Giá trị cổ phần phát hành thêm (triệu đồng)	Số cổ phần sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu sau khi tăng vốn điều lệ
1	Cổ đông Nhà nước (NHNN Việt Nam)	69/QĐ-NH5	4.616.656.267	80,99%	49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Nguyễn Thị Hồng				Thống đốc	969.497.816	9.694.978	5.586.154.083	80,99%
1,1	Được đại diện bởi: Ông Phan Đức Tú - Chủ tịch HĐQT BIDV, đại diện 40% vốn Nhà nước		1.846.662.507	32,40%							387.799.126	3.877.991	2.234.461.633	32,40%
1,2	Ông Lê Ngọc Lâm - UV HĐQT kiêm TGD BIDV, đại diện 30% vốn Nhà nước		1.384.996.880	24,295%							290.849.344	2.908.493	1.675.846.224	24,295%
1,3	Ông Đặng Văn Tuyền - UV HĐQT BIDV, đại diện 30% vốn Nhà nước		1.384.996.880	24,295%							290.849.344	2.908.493	1.675.846.224	24,295%
2	KEB HANA BANK, CO., LTD	CC2259	855.065.385	15%	35, EULJI-RO, JUNG-GU SEOUL REPUBLIC OF KOREA, SEOUL	Lee Seung Lynl	M69808316	04/6/2019	Hàn Quốc	CEO	179.563.730	1.795.637	1.034.629.115	15%

2. Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên:

STT	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp/Số Đăng ký sở hữu	Số cổ phần sở hữu trước khi tăng vốn	Tỷ lệ sở hữu trước khi tăng vốn	Địa chỉ trụ sở chính	Họ tên Người đại diện theo pháp luật	Số CCCD/CMND/Hộ chiếu của người có liên quan là cá nhân/ người đại diện theo pháp luật	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức danh	Số cổ phần phát hành thêm trả cổ tức bằng cổ phiếu	Giá trị cổ phần phát hành thêm (triệu đồng)	Số cổ phần sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu sau khi tăng vốn điều lệ
1	Cổ đông Nhà nước (NHNN Việt Nam)	69/QĐ-NH5	4.616.656.267	80,99%	49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Nguyễn Thị Hồng				Thống đốc	969.497.816	9.694.978	5.586.154.083	80,99%
	Được đại diện bởi:													

1. bnn



STT	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp/Số Đăng ký sở hữu	Số cổ phần sở hữu trước khi tăng vốn	Tỷ lệ sở hữu trước khi tăng vốn	Địa chỉ trụ sở chính	Họ tên Người đại diện theo pháp luật	Số CCCD/CMND/Hộ chiếu của người có liên quan là cá nhân/ người đại diện theo pháp luật	Ngày cấp	Nơi cấp	Chức danh	Số cổ phần phát hành thêm trả cổ tức bằng cổ phiếu	Giá trị cổ phần phát hành thêm (trệu đồng)	Số cổ phần sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu sau khi tăng vốn điều lệ
1,1	Ông Phan Đức Tú - Chủ tịch HĐQT BIDV, đại diện 40% vốn Nhà nước		1.846.662.507	32,40%							387.799.126	3.877.991	2.234.461.633	32,40%
1,2	Ông Lê Ngọc Lâm - UV HĐQT kiêm TGD BIDV, đại diện 30% vốn Nhà nước		1.384.996.880	24,295%							290.849.344	2.908.493	1.675.846.224	24,295%
1,3	Ông Đặng Văn Tuyên - UV HĐQT BIDV, đại diện 30% vốn Nhà nước		1.384.996.880	24,295%							290.849.344	2.908.493	1.675.846.224	24,295%

3. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài

ĐỐI TƯỢNG	Số cổ phần sở hữu trước khi tăng vốn	Tỷ lệ sở hữu trước khi tăng vốn	Số cổ phần phát hành thêm trả cổ tức bằng cổ phiếu	Giá trị cổ phần phát hành thêm (trệu đồng)	Số cổ phần sau khi tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu sau khi tăng vốn điều lệ
Nhà đầu tư nước ngoài	982.236.782	17,23%	206.269.724	2.062.697	1.188.506.506	17,23%

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM